

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN TỰ TRỌNG

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH
CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM**

Chuyên ngành: Quản lý Giáo dục
Mã số: 60.14.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ GIÁO DỤC HỌC

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **TS. BÙI VIỆT PHÚ**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN BẢO HOÀNG THANH**

Phản biện 2: **TS. HUỲNH THỊ TAM THANH**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng bảo vệ chấm Luận văn
tốt nghiệp Thạc sĩ Giáo dục học, họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày
26 tháng 05 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thế giới đang bước vào thiên niên kỷ mới, cuộc sống đang phát triển ngày càng hiện đại, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, đối lập với nó là tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng diễn biến phức tạp. Ô nhiễm môi trường đang là vấn đề không chỉ của riêng một quốc gia nào, một vùng lãnh thổ nào, mà ở khắp nơi, cả ở nông thôn, thành thị, miền núi và miền biển.

Nằm trong khung cảnh chung của thế giới, môi trường Việt Nam đang xuống cấp, có nơi bị huỷ hoại nghiêm trọng, gây nên nguy cơ mất cân bằng sinh thái, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên, làm ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng cuộc sống của con người và sự phát triển bền vững của đất nước.

Tại tỉnh Quảng Nam, dù đã có sự đầu tư phát triển kinh tế vùng ven biển ở nhiều lĩnh vực nhưng các hoạt động BVMT chưa được quan tâm, dẫn đến cảnh quan môi trường bị phá vỡ. Hàng loạt các khu du lịch cao cấp ra đời nhưng hoạt động BVMT vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Việc nuôi trồng thủy sản mang tính tự phát gây nên tình trạng ô nhiễm nguồn nước và môi trường sinh thái. Diện tích rừng phòng hộ ven biển giảm mạnh do bị người dân đốn hạ làm chất đốt trong sinh hoạt. Bên cạnh đó là sự ra đời hàng loạt các khu, cụm công nghiệp dọc vùng đất ven sông, ven biển nhưng chưa đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải.

Để BVMT, con người đã, đang và sẽ phải thực hiện hàng loạt các biện pháp khác nhau, trong đó có biện pháp GDMT. GDMT được xem là biện pháp có hiệu quả cao vì nó giúp con người có nhận thức và hành động đúng đắn trong việc khai thác, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và thực hiện các nhiệm vụ BVMT.

Ở nước ta, công tác BVMT nói chung, giáo dục - đào tạo và nâng cao ý thức BVMT nói riêng đã được Đảng, Nhà nước và các Bộ, ngành quan tâm từ nhiều năm nay và đã có những chủ trương, biện pháp giải quyết vấn đề môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Điều này đã được thể hiện rất rõ trong nhiều văn bản của Đảng và Chính phủ.

Công văn 1320/CP-KG của Thủ tướng Chính phủ ngày 06/11/1998 về việc tổ chức triển khai thực hiện chỉ thị số 36/CT-TW giao cho Bộ GD&ĐT chủ trì và phối hợp với Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư và một số Hội quần chúng xây dựng đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân” trình Chính phủ.

Điều 107, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 cũng đã nêu rõ: “Công dân Việt Nam được giáo dục toàn diện về môi trường nhằm nâng cao hiểu biết và ý thức bảo vệ môi trường”, “Giáo dục về môi trường là một nội dung của chương trình chính khóa của các cấp học phổ thông”.

Quyết định số 373-QĐ/TTg ngày 23/3/2010 về việc phê duyệt đề án đẩy mạnh công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam.

Quyết định số 1461/QĐ-BGD&ĐT về việc giao nhiệm vụ “Xây dựng và thực hiện đề án tăng cường công tác giáo dục về tài nguyên và môi trường biển, hải đảo vào chương trình giáo dục các cấp học và các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2010 - 2015”.

Trong những năm gần đây, ở các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam, nội dung GDMT được thực hiện thông qua dạy học tích hợp, lồng ghép trong các môn học. Ngoài việc giảng dạy tích

hợp, lồng ghép với một thời lượng nhất định trong chương trình, các trường đã tiến hành hoạt động ngoại khoá theo các chủ đề có liên quan đến tình hình môi trường ở địa phương như Tết trồng cây, chương trình xanh hoá nhà trường và các cuộc thi tìm hiểu về môi trường, các cuộc vận động về BVMT. Bên cạnh đó, các trường còn tổ chức dọn vệ sinh làm sạch môi trường ở khu dân cư, môi trường bờ biển, vận động mọi người giữ gìn vệ sinh môi trường biển và bờ biển...

Tuy nhiên, các hoạt động GDMT và quản lý hoạt động GDMT chưa thực sự đồng bộ nên chưa đem lại hiệu quả. Học sinh chưa thực sự có ý thức trách nhiệm với môi trường, chưa thực sự hành động để BVMT. Việc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, ở khu dân cư và cả trong trường học của học sinh vẫn còn yếu kém như vứt rác bừa bãi, sử dụng nước sạch lãng phí và ý thức tự giữ gìn vệ sinh cá nhân của học sinh chưa thực sự trở thành thói quen trong sinh hoạt hằng ngày.

Để đạt được mục tiêu giáo dục và đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, để đảm bảo cuộc sống cho con người và sự phát triển bền vững của đất nước, GDMT cho HS các trường phổ thông trở thành một yêu cầu thiết yếu nhằm tăng cường hiểu biết của học sinh đối với thế giới tự nhiên và đời sống xã hội. Đặc biệt là tăng cường hiểu biết về mối quan hệ, tác động qua lại giữa con người với tự nhiên trong sinh hoạt và lao động sản xuất, góp phần hình thành ở thế hệ trẻ thế giới quan, nhân sinh quan đúng đắn và hành động đúng đắn về môi trường và BVMT.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi chọn đề tài: *“Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam”* làm vấn đề nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam, đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDMT nhằm góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

3. Khách thể nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Các biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

4. Giả thuyết khoa học

Việc quản lý hoạt động GDMT ở các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam trong những năm qua chưa được quan tâm đúng mức, nhận thức và hành vi BVMT của học sinh còn nhiều hạn chế. Hiệu quả của hoạt động GDMT sẽ được nâng cao nếu thực hiện một cách đồng bộ và hợp lý các biện pháp quản lý như quản lý nâng cao nhận thức cho CBQL và GV, quản lý hoạt động dạy học tích hợp, lồng ghép nội dung GDMT, quản lý các hình thức GDMT.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu lý luận về quản lý hoạt động GDMT cho HS phổ thông.

5.2. Khảo sát thực trạng hoạt động GDMT và các biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

6. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về lĩnh vực hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam trong những năm gần đây.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.3. Nhóm các phương pháp bổ trợ

8. Cấu trúc của luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận và khuyến nghị, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh THPT.

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

Chương 3: Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

1.1. TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

1.1.1. Sự phát triển của hoạt động giáo dục môi trường

GDMT là hoạt động mang tính toàn cầu, do đó con người phải phối hợp hành động nhằm tìm ra những biện pháp khắc phục, ngăn chặn sự ô nhiễm môi trường, sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên để đảm bảo cho sự phát triển bền vững cho mọi thế hệ.

Lần đầu tiên trong lịch sử, năm 1948, tại Paris, trong cuộc họp của Liên Hiệp Quốc về BVMT và tài nguyên thiên nhiên, thuật ngữ “Giáo dục môi trường” đã được sử dụng.

Năm 1970, Hiệp hội quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (IUCN) đã định nghĩa: GDMT là quá trình nhận biết các giá trị và làm sáng tỏ các khái niệm nhằm phát triển các kỹ năng và quan điểm cần thiết để hiểu và đánh giá được sự quan hệ tương tác giữa con người, nền văn hoá, thế giới vật chất bao quanh; GDMT đồng thời cũng thực hiện quyết định đưa ra bộ quy tắc ứng xử với vấn đề liên quan tới đặc tính của môi trường.

Trong tuyên bố của hội nghị Liên Hiệp Quốc về “Môi trường con người” tại Stockholm, ngày 5/6/1972 đã nêu: “Việc giáo dục môi trường cho thế hệ trẻ cũng như người lớn làm sao để họ có được trách nhiệm trong việc bảo vệ và cải thiện môi trường”. Từ đó, ngày mùng 5 tháng 6 hằng năm trở thành *Ngày môi trường thế giới*.

Ngay sau đó, Chương trình môi trường của Liên Hiệp Quốc (UNEP) cùng với Tổ chức văn hoá, khoa học, giáo dục Liên Hiệp Quốc đã thành lập Chương trình Giáo dục môi trường Quốc tế (IEEP) và đã đưa ra nghị định khung và tuyên bố về những mục tiêu và những nguyên tắc hướng dẫn GDMT.

Từ sau Hội nghị Belgrade, tháng 10 năm 1975, Chương trình Giáo dục môi trường quốc tế bắt đầu triển khai và có khoảng 60 quốc gia đã đưa GDMT vào các trường học.

Ngay từ thập kỷ 70, chương trình GDMT đã được đưa vào hệ thống giáo dục THPT ở nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Phần Lan, Bỉ, Đức, Mêhicô, Mỹ, Liên Xô cũ và nhiều quốc gia khác.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy vai trò của cô giáo, thầy giáo là hết sức quan trọng trong việc GDMT ở tất cả các bậc học. Vì vậy,

việc trang bị kiến thức về GDMT cho giáo viên ở tất cả các cấp học được các quốc gia quan tâm đặc biệt.

1.1.2. Giáo dục môi trường ở Việt Nam

Năm 1962, Bác Hồ đã phát động phong trào “Tết trồng cây”. Cho đến nay phong trào trồng cây ngày càng phát triển mạnh mẽ. Năm 1991, Bộ GD&ĐT đã có chương trình trồng cây hỗ trợ phát triển giáo dục - đào tạo và bảo vệ môi trường (1991 - 1995).

Thông qua việc thay sách giáo khoa (cải cách giáo dục năm 1986 - 1992), các tác giả đã chú trọng đến việc đưa nội dung GDMT vào chương trình giảng dạy cho học sinh, trước hết ở các môn như Sinh học, Địa lý, Hoá học và Kỹ thuật.

Từ năm 1995, dự án GDMT trong nhà trường phổ thông ở Việt Nam (VIE 95/041) của Bộ GD&ĐT do UNDP tài trợ nhằm vào các mục tiêu cơ bản:

- Hỗ trợ xây dựng một bản chính sách và chiến lược thực hiện quốc gia về GDMT tại Việt Nam.
- Tăng cường năng lực của Bộ GD&ĐT trong việc truyền đạt những nội dung và phương pháp GDMT vào các chương trình đào tạo giáo viên.
- Xây dựng các hoạt động GDMT cụ thể để thực hiện ở cấp tiểu học và trung học.

Những chủ đề về GDMT không chỉ được lồng ghép vào những môn học có liên quan đến môi trường như Sinh học, Địa lý, Hoá học và Kỹ thuật mà cả các môn khác như Giáo dục công dân, Đạo đức và Văn học.

Nội dung kiến thức về GDMT được đưa vào gồm: mối quan hệ của con người với tự nhiên, vẻ đẹp thiên nhiên, phong tục, luật pháp BVMT và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên. Ngoài khối kiến thức được

trang bị ở những giờ học trên lớp, học sinh còn được tham gia các chương trình ngoại khoá theo các chủ đề có liên quan đến tình hình môi trường ở địa phương như nước uống, năng lượng sử dụng trong gia đình, rừng nhiệt đới, môi trường sinh thái, rác thải sinh hoạt, và một số các vấn đề khác như chương trình xanh hoá nhà trường, Tết trồng cây và các cuộc thi tìm hiểu về môi trường như viết truyện, chụp ảnh, quay băng hình video, vẽ tranh...

1.2. CÁC KHÁI NIỆM CÔNG CỤ CỦA ĐỀ TÀI

1.2.1. Môi trường, bảo vệ môi trường, giáo dục môi trường

a. Môi trường

b. Bảo vệ môi trường

c. Giáo dục môi trường

1.2.2. Quản lý, quản lý giáo dục, quản lý nhà trường

a. Quản lý

b. Quản lý giáo dục

c. Quản lý nhà trường

1.2.3. Quản lý giáo dục môi trường

1.3. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

1.3.1. Mục tiêu giáo dục môi trường

1.3.2. Nội dung giáo dục môi trường

1.3.3. Phương pháp giáo dục môi trường

1.3.4. Hình thức tổ chức giáo dục môi trường

a. Giáo dục môi trường thông qua tích hợp, lồng ghép trong các môn học

b. Giáo dục môi trường thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

1.3.5. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh THPT

a. Đặc điểm của sự phát triển trí tuệ

b. Sự phát triển của tự ý thức

c. Sự hình thành thế giới quan

1.3.6. Đội ngũ giáo viên và các lực lượng tham gia giáo dục môi trường

a. Đội ngũ giáo viên

b. Các lực lượng tham gia giáo dục môi trường

1.3.7. Kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục môi trường

1.3.8. Điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong hoạt động giáo dục môi trường

1.4. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG

1.4.1. Quản lý mục tiêu giáo dục môi trường

1.4.2. Quản lý nội dung giáo dục môi trường

1.4.3. Quản lý hình thức tổ chức hoạt động giáo dục môi trường

a. Quản lý hoạt động dạy học các môn có tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục môi trường

** Quản lý việc thực hiện chương trình dạy học*

** Quản lý việc chuẩn bị giờ lên lớp các tiết học có nội dung giáo dục môi trường*

** Quản lý giờ dạy trên lớp của giáo viên*

** Quản lý việc dự giờ và phân tích tính sư phạm của bài học theo hướng tích hợp nội dung giáo dục môi trường*

** Quản lý hồ sơ chuyên môn của giáo viên*

b. Quản lý hoạt động giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

** Xây dựng kế hoạch và lịch hoạt động*

** Tổ chức chỉ đạo hoạt động*

1.4.4. Quản lý việc sử dụng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên

1.4.5. Quản lý công tác phối hợp các lực lượng tham gia hoạt động giáo dục môi trường

1.4.6. Quản lý kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục môi trường

a. Quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh ở các môn có tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục môi trường

b. Quản lý kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

1.4.7. Quản lý điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trong hoạt động giáo dục môi trường

1.5. TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Quản lý nhà trường vừa là khoa học, vừa là nghệ thuật đòi hỏi người quản lý phải nắm vững những vấn đề cơ bản của khoa học quản lý và QLGD, vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt trong điều kiện thực tế của nhà trường nhằm đạt được mục tiêu giáo dục đã đề ra.

Quản lý hoạt động giáo dục nói chung và quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT nói riêng là một hoạt động hết sức quan trọng, góp phần đào tạo một cách toàn diện cho thế hệ trẻ để đạt được kết quả trước mắt và cả lợi ích lâu dài, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội.

Với ý nghĩa đó, chương 1 là nền tảng lý luận để tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam, nhằm đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động GDMT, góp phần đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

2.1.1. Vị trí địa lý

Vùng ven biển tỉnh Quảng Nam được xác định nằm về phía đông đường cao tốc Đà Nẵng - Dung Quất đến giáp biển Đông, thuộc địa bàn của 6 huyện, thành phố ven biển, chạy dài từ Điện Ngọc (huyện Điện Bàn) đến Tam Quang (huyện Núi Thành), có thêm lục địa dài 93 km và bờ biển dài 125 km. Tổng diện tích là 102.982 ha (chiếm 10% diện tích tự nhiên toàn tỉnh), dân số trong khu vực 843.162 người (chiếm 56% dân số toàn tỉnh).

2.1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

a. Tình hình kinh tế

Vùng biển Quảng Nam có trữ lượng hải sản ước tính trên 90.000 tấn, khả năng khai thác cho phép khoảng 42.000 tấn. Hiện nay, vùng ven biển tỉnh Quảng Nam có hơn 3.700 phương tiện khai thác thủy sản với tổng công suất 82.210 CV và khoảng 25.300 người lao động nghề biển. Theo thống kê, tổng sản lượng thủy sản năm 2012 đạt 82,3 nghìn tấn, tăng 8,7% so với năm 2011, trong đó: sản lượng khai thác thủy sản đạt 63,4 nghìn tấn, tăng 4,3% và sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 18,8 nghìn tấn, tăng 27,2%.

b. Tình hình văn hóa - xã hội

Những nét văn hóa đặc trưng của vùng ven biển tỉnh Quảng Nam gồm có: di sản văn hóa thế giới - đô thị cổ Hội An, nhiều di tích lịch sử văn hóa và các Lễ hội như lễ hội Cô Bà Chợ Được, lễ hội Đêm Rằm Phố Cổ, lễ hội Cầu Bông, lễ hội Bà Thu Bồn, lễ hội Long

Chu, lễ Tế Cá Ông... Ngoài ra còn có nhiều loại hình hoạt động văn hóa như hát tuồng, hát đối, hò bài chòi, dân ca, hát hò khoan, hát bả trạo.

2.1.2. Tình hình giáo dục cấp THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam

Hiện nay, vùng ven biển tỉnh Quảng Nam có 05 trường THPT, đó là: THPT Nguyễn Thái Bình (huyện Thăng Bình), THPT Trần Hưng Đạo (Thành phố Hội An), THPT Cao Bá Quát (huyện Núi Thành), THPT Duy Tân (Thành phố Tam Kỳ) và THPT Lương Thế Vinh (huyện Điện Bàn).

a. Chất lượng giáo dục

Chất lượng hạnh kiểm của học sinh mức Khá, Tốt hằng năm đạt từ 88% số học sinh trở lên, tỉ lệ bình quân các năm là 90,2 %. Bên cạnh đó, số lượng học sinh có học lực Khá, Giỏi luôn ở mức trên 21,3 % với tỉ lệ bình quân hằng năm là 26,1% và học lực Trung bình là 52,3%.

b. Tình hình đội ngũ cán bộ quản lý

Đội ngũ CBQL của 05 trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam hiện nay là 11 người. Độ tuổi của CBQL từ 30 đến 40 tuổi có 03 người, độ tuổi từ 40 đến 50 có 02 người và trên 50 tuổi có 06 người. Thực tế tại các trường, 100% CBQL đều đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trong đó 02 hiệu trưởng có trình độ Thạc sĩ. Các hiệu trưởng là những CBQL có nhiều năm công tác nên có nhiều kinh nghiệm chỉ đạo, có tâm huyết với nghề và say mê với các hoạt động của nhà trường.

c. Tình hình đội ngũ giáo viên

Theo số liệu thống kê, đến tháng 12 năm 2012 số lượng giáo viên của 05 trường là 311 người. Trình độ chuyên môn của giáo viên đạt chuẩn (Đại học) là 100% trong đó có 21 giáo viên có trình độ

Thạc sĩ (chiếm 6,8%) và có 05 giáo viên (tỉ lệ 1,6 %) đang theo học Cao học, chưa tốt nghiệp. Đây là thuận lợi lớn để các trường trong vùng triển khai tốt các hoạt động dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục.

d. Tình hình cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Tổng số phòng học của các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam là 98 phòng. Số lượng phòng học đảm bảo để triển khai dạy học 02 buổi/ ngày. Các trường đều có phòng dạy trình chiếu, tạo điều kiện để giáo viên giảng dạy bằng giáo án điện tử. Khu hành chính và số phòng làm việc đảm bảo cho hoạt động quản lý và làm việc cho toàn Hội đồng sư phạm.

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

2.2.1. Thực trạng nhận thức của CBQL trường học và giáo viên về giáo dục môi trường và quản lý hoạt động giáo dục môi trường cho học sinh

a. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của giáo dục môi trường

Kết quả khảo sát thực tế đội ngũ CBQL, cán bộ Đoàn, Công đoàn, GVCN và giáo viên bộ môn (181 CB và GV) tại 04 trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam cho thấy: 100% những người được trưng cầu ý kiến đều khẳng định hoạt động GDMT cho HS ở trường THPT là rất quan trọng và quan trọng.

Khi nhận xét về ý thức và hành động đối với môi trường của học sinh hiện nay, các CBQL và giáo viên của các trường đánh giá như sau: có 0,6 % ý kiến đánh giá ý thức và hành động đối với môi trường của học sinh là rất tốt, 18,7% cho rằng ý thức và hành động đối với môi trường của học sinh là tốt, 83,4 % ý kiến đánh giá ý thức và hành động

đối với môi trường của học sinh là yếu và 3,0 % ý kiến đánh giá ý thức và hành động đối với môi trường của học sinh là kém.

b. Nhận thức về vai trò, ý nghĩa của quản lý giáo dục môi trường cho học sinh

Theo kết quả khảo sát, 100% CBQL và GV đều có nhận thức đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của quản lý hoạt động GDMT trong nhà trường. Các yếu tố thuộc về tinh thần, trách nhiệm của giáo viên dạy các môn không tích hợp, lồng ghép GDMT, CSVC và TBDH, nguồn tài chính và sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục còn chưa phát huy đúng mức.

Có thể thấy rằng CBQL các trường THPT được khảo sát đã có tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành tốt các chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Nam về tổ chức các hoạt động GDMT cho HS. Các hoạt động vì môi trường đã thu hút một lượng lớn học sinh tham gia, làm chuyên biến tích cực nhận thức, tình cảm, thái độ và hành vi của học sinh. Tuy nhiên, vai trò quản lý của nhà trường đã bộc lộ những điểm yếu kém được thể hiện qua tính thụ động, tự phát trong tổ chức các hoạt động GDMT cho HS...

2.2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường của hiệu trưởng các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam

a. Thực trạng quản lý hoạt động dạy học có tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục môi trường

**** Thực trạng quản lý chương trình giáo dục môi trường***

Kết quả điều tra cho thấy: Khi lập kế hoạch hoạt động giáo dục cho năm học, hiệu trưởng có chú ý lập kế hoạch GDMT và xác định rõ đây là một trong những nội dung góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các kế hoạch của hiệu trưởng các trường, chúng tôi nhận thấy kế hoạch, chương

trình còn chung chung, đại khái; nội dung các hoạt động mang tính lặp đi, lặp lại hằng năm mà không có chương trình cụ thể, rõ ràng cho từng năm học.

** Thực trạng quản lý việc soạn bài và chuẩn bị lên lớp của giáo viên*

Theo kết quả điều tra, việc quản lý giáo án của giáo viên vẫn còn bộc lộ những mặt hạn chế. Hiệu trưởng chưa thường xuyên chỉ đạo các giáo viên các bộ môn không có tích hợp, lồng ghép nội dung GDMT soạn bài lồng ghép các nội dung này; vì vậy, hiệu trưởng chưa có sự chỉ đạo toàn diện cho tất cả các môn học trong nhà trường về dạy học tích hợp, lồng ghép nội dung này.

** Thực trạng quản lý việc dự giờ lên lớp có nội dung giáo dục môi trường*

Kết quả điều tra cho thấy: Hiệu trưởng chưa quan tâm dự giờ lên lớp của giáo viên. Sự buông lỏng trong quản lý dự giờ vừa tạo ra những khó khăn cho giáo viên về phương pháp giảng dạy vừa tạo ra sự tùy tiện trong việc thực hiện kế hoạch GDMT cho HS.

Qua trao đổi với CBQL chúng tôi được biết hiệu trưởng thường đánh giá hoạt động dạy học của giáo viên theo kế hoạch, nhưng dự giờ và đánh giá tiết dạy theo chuyên đề GDMT thì hầu như ít quan tâm.

** Thực trạng quản lý việc phân tích tính sư phạm trong giờ dạy*

Theo kết quả điều tra, khảo sát, hiệu trưởng các trường THPT thường quan tâm đến giờ dạy trên lớp và có phân tích, đánh giá tính sư phạm trong giờ dạy của giáo viên. Tuy nhiên, chưa đi sâu phân tích về nội dung bài dạy và phương pháp giảng dạy theo đặc thù của từng môn học mà chủ yếu chú ý đến nề nếp của học sinh, phong cách lên lớp của giáo viên đứng lớp và việc tổ chức để học sinh tham gia phát biểu xây dựng bài học. Do đó, hiệu quả của

việc dự giờ và phân tích tính sư phạm trong giờ dạy không cao; từ đó, việc đánh giá tiết dạy thiếu chính xác, nặng về cảm tính.

**Thực trạng quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá học tập của học sinh*

Kết quả điều tra cho thấy: Hiệu trưởng rất quan tâm đến việc ra đề kiểm tra và sau đó kiểm tra kết quả của học sinh thông qua Sổ gọi tên ghi điểm. Thực tế hiện nay, các trường quan tâm đến việc kiểm tra chung toàn khối lớp ở những môn quan trọng như: Toán, Văn học, Vật lý, Hóa học, Sinh học và Ngoại ngữ nên việc quản lý việc ra đề khá dễ dàng. Tuy nhiên, việc lồng ghép các nội dung GDMT trong đề kiểm tra còn khá ít, vì thế chưa tạo được động lực để học sinh tìm tòi và ghi nhớ kiến thức về GDMT.

b. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

Kết quả điều tra cho thấy, các trường đã chủ động xây dựng kế hoạch GDMT cho HS trong cả năm học, từng học kỳ, từng tháng và từng tuần và kế hoạch GDMT trong sinh hoạt kỷ niệm các ngày lễ lớn, các đợt thi đua theo chủ đề và kế hoạch các đợt phát động của Sở GD&ĐT. Hiệu trưởng đã chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch, có theo dõi, giám sát các bộ phận; có động viên, khích lệ; có điều chỉnh, bổ sung thực hiện kế hoạch công tác GDMT cho HS.

Tuy nhiên, kế hoạch GDMT cho HS theo từng tháng, từng tuần chưa được sử dụng thường xuyên. Thực tế ở các trường THPT, nội dung kế hoạch còn chung chung, chưa có nội dung và mục tiêu cụ thể, thiếu biện pháp thực hiện; công tác tổ chức các hoạt động này chưa trở thành nề nếp quy mô như hoạt động dạy học. Ngoài ra, việc điều hành thực hiện kế hoạch còn thiếu chặt chẽ, chưa thường xuyên, có thời điểm buông lỏng, thiếu kiểm tra, đôn đốc và nhắc nhở.

c. Thực trạng quản lý công tác bồi dưỡng giáo viên về nội dung, phương pháp giáo dục môi trường

Kết quả điều tra trong cho thấy: Hiệu trưởng đã tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các lớp tập huấn về GDMT. Tuy nhiên, sau khi tham dự các lớp tập huấn, các giáo viên về trường thường chỉ tổ chức truyền đạt lại cho các giáo viên khác với một thời lượng rất ít trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, trong khi nội dung tích hợp, lồng ghép ở các bộ môn khá nhiều.

Ngoài ra, các trường cũng rất ít quan tâm đến việc tổ chức các hội thảo đề bàn bạc, xây dựng chương trình và triển khai các văn bản liên quan đến hoạt động GDMT. Thực tế, các trường rất thụ động trong công tác bồi dưỡng nghiệp vụ, nội dung và phương pháp GDMT cho đội ngũ giáo viên.

d. Thực trạng quản lý công tác phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường trong hoạt động giáo dục môi trường

**** Quản lý việc phối hợp các lực lượng trong nhà trường***

Theo kết quả khảo sát và thăm dò thực tế, mức độ tham gia hoạt động GDMT cho HS của một số CBQL chưa thường xuyên, nên tình trạng học sinh có các hành vi làm ảnh hưởng xấu đến môi trường xảy ra thường xuyên. Thực trạng đó được thể hiện qua các số liệu về sự chủ động phối hợp với các lực lượng của đội ngũ CBQL. Sự phối hợp giữa các lực lượng trong nhà trường chưa đồng bộ và thiếu tính chặt chẽ.

**** Quản lý việc phối hợp giữa nhà trường và các lực lượng bên ngoài***

Kết quả điều tra cho thấy, việc kết hợp giữa nhà trường và các lực lượng bên ngoài trong thời gian qua là chưa tốt, chưa thường xuyên, chỉ phối hợp khi có sự chủ động từ phía nhà trường đề nghị về một vấn đề cụ thể, cấp thiết chứ chưa mang tính kế hoạch thực hiện cụ thể hằng

tuần, hằng tháng và hằng năm. Việc phối hợp giữa CMHS với các lực lượng trong nhà trường cũng không thường xuyên.

e. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ giáo dục môi trường

Theo kết quả khảo sát, hiệu trưởng các trường đã quản lý tốt các CSVC thiết yếu như: trường lớp, phòng học, thư viện, cảnh quan sư phạm, TBDH. Ngoài ra, 100% các trường đều có phòng truyền thống, thư viện, kho chứa TBDH. Các TBDH phục vụ hầu hết các môn học, hệ thống âm thanh, tivi, đầu máy và máy chiếu projector cũng được trang bị đầy đủ.

Tuy nhiên, các đầu sách, tài liệu, băng đĩa và tranh ảnh phục vụ hoạt động GDMT trong thư viện các trường còn nghèo nàn. Khu vực học môn Thể dục và An ninh quốc phòng ở một số trường chưa đảm bảo diện tích, nhiều bụi, ít cây xanh và rất nắng nóng.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

2.3.1. Ưu điểm

2.3.2. Hạn chế

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

2.4. TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Trong hoạt động GDMT cho HS, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế nhất định. Thực trạng nhận thức và hành vi đối với môi trường của học sinh có nhiều vấn đề cần quan tâm. Hoạt động GDMT thông qua dạy tích hợp trong các môn học đạt hiệu quả thấp, nghiêng về dạy chữ nhiều hơn. Ngoài ra, sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường chưa thường xuyên, chưa đem lại hiệu quả như mong muốn.

Thực trạng quản lý hoạt động GDMT trong nhà trường còn nhiều tồn tại. Việc chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra đánh giá chưa chặt chẽ và thường xuyên, hình thức chưa phong phú, thiếu các biện pháp quản lý phù hợp.

Để khắc phục tình trạng này, đòi hỏi đội ngũ CBQL trong đó giữ vai trò then chốt là hiệu trưởng phải tìm tòi, nghiên cứu tìm ra những biện pháp quản lý để nâng cao chất lượng hoạt động GDMT cho HS, nhằm góp phần nâng cao chất giáo dục toàn diện cho học sinh vùng ven biển tỉnh Quảng Nam trong tình hình hiện nay.

CHƯƠNG 3

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

3.1. NHỮNG NGUYÊN TẮC ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP

3.2. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG CHO HỌC SINH CÁC TRƯỜNG THPT VÙNG VEN BIỂN TỈNH QUẢNG NAM

3.2.1. Biện pháp nâng cao nhận thức cho CBQL và giáo viên trường THPT về vai trò, ý nghĩa của hoạt động GDMT và quản lý hoạt động GDMT cho học sinh

- a. Đối với hiệu trưởng và cán bộ quản lý của nhà trường*
- b. Đối với Đoàn thanh niên*
- c. Đối với giáo viên*
- d. Đối với Công đoàn nhà trường*

3.2.2. Biện pháp quản lý hoạt động dạy học tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục môi trường

- a. Quản lý chương trình giáo dục môi trường*
- b. Quản lý việc soạn bài và chuẩn bị lên lớp của giáo viên*
- c. Quản lý giờ dạy trên lớp và phân tích tính sư phạm một*

giờ dạy có nội dung giáo dục môi trường

d. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

3.2.3. Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục môi trường thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp

a. Quản lý việc xây dựng kế hoạch hoạt động

b. Quản lý việc áp dụng các hình thức hoạt động ngoài giờ lên lớp để giáo dục môi trường

c. Quản lý việc kiểm tra, đánh giá học sinh qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp

3.2.4. Biện pháp quản lý việc bồi dưỡng giáo viên về nội dung, phương pháp giáo dục môi trường

3.2.5. Biện pháp quản lý việc phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường đối với hoạt động giáo dục môi trường

a. Với tổ chức Công đoàn

b. Với tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

c. Với cha mẹ học sinh

d. Tăng cường phối hợp với các lực lượng xã hội khác

3.2.6. Biện pháp quản lý cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ hoạt động giáo dục môi trường

3.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP

Nhằm góp phần để quản lý hoạt động GDMT cho HS ở các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam đạt hiệu quả, chúng tôi đã đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS nêu trên. Các biện pháp này có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, bổ sung và hỗ trợ cho nhau nên trong quá trình quản lý hoạt động GDMT cho HS, tùy theo tình hình thực tế của mỗi nhà trường và địa phương mà hiệu trưởng lựa chọn, vận dụng và phối hợp các biện pháp một cách phù hợp, đồng bộ và linh hoạt để đem lại hiệu quả.

3.4. KẾT QUẢ THĂM DÒ SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP

Để thăm dò sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp, chúng tôi đã trưng cầu ý kiến của 46 CBQL và giáo viên của 04 trong 05 trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam. Theo kết quả thăm dò ý kiến, CBQL và giáo viên được thăm dò đều cho rằng các biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS nêu trên đều cần thiết và có tính khả thi, có thể vận dụng vào thực tiễn quản lý, nhằm nâng cao chất lượng GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam hiện nay.

3.5. TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở lý luận về hoạt động GDMT và quản lý hoạt động GDMT cho HS trường THPT; từ thực trạng quản lý hoạt động GDMT cho HS của các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam, chúng tôi nhận thấy các nhà trường cần phải khắc phục những tồn tại, hạn chế để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động GDMT cho HS. Hiệu trưởng nhà trường cần phải có những biện pháp quản lý giáo dục phù hợp và vận dụng một cách linh hoạt, thường xuyên vào việc quản lý hoạt động giáo dục này trong trường.

Xuất phát từ cơ sở đó, chúng tôi đề xuất 06 biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam và trình bày cụ thể trong chương 3 của đề tài. Những biện pháp này được xây dựng theo các nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu, toàn diện và hệ thống, phù hợp với thực tiễn và cơ sở phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

Từ kết quả thăm dò sự cần thiết và tính khả thi, các biện pháp trên có thể áp dụng vào thực tiễn quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam để nâng cao chất lượng và hiệu quả GDMT cho HS trong thời gian tới.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Tiếp tục đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục là nhiệm vụ toàn ngành đang quyết tâm thực hiện. Trong đó tăng cường quản lý hoạt động GDMT cho HS là việc làm có tính cấp thiết. Đây không chỉ là nhiệm vụ của ngành giáo dục mà là của toàn xã hội. Đó chính là đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước vì mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh trong giai đoạn hiện nay.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước về hoạt động giáo dục này đều nhằm mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm, hành vi, tình cảm và thái độ của học sinh đối với môi trường sống xung quanh, từ đó phát triển nhân cách của HS nói riêng và thế hệ trẻ nói chung. Các phương pháp và hình thức tiến hành hoạt động GDMT cho học sinh phải dựa trên cơ sở khoa học về Giáo dục học, Tâm lý học và các khoa học có liên quan. Trong quản lý hoạt động GDMT cần phải nắm vững lý luận về khoa học quản lý, phương pháp luận nghiên cứu khoa học.

Những năm gần đây, các trường THPT vùng ven biển tỉnh Quảng Nam đã có nhiều cố gắng trong quản lý hoạt động GDMT cho HS. Tuy nhiên, việc quản lý hoạt động này còn nhiều tồn tại, hạn chế cần sớm khắc phục. Đó là việc chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra đánh giá và quản lý dạy học tích hợp, lồng ghép GDMT chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên; hình thức tổ chức chưa phong phú; công tác phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường chưa thường xuyên và chưa hiệu quả; CSVC và TBDH chưa được đầu tư đúng mức nên còn nghèo nàn và thiếu đồng bộ.

Từ cơ sở lý luận và thực tiễn, chúng tôi đã đề xuất 6 biện pháp quản lý hoạt động GDMT cho HS các trường THPT vùng ven biển

tỉnh Quảng Nam. Sáu biện pháp quản lý này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Kết quả thăm dò tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp là khá cao, có thể vận dụng vào thực tiễn quản lý. Các biện pháp sẽ giúp cho đội ngũ CBQL và giáo viên xác định đúng tầm quan trọng của hoạt động GDMT cho HS trong nhà trường để xây dựng kế hoạch hoàn chỉnh, quan tâm hơn nữa đến hoạt động giáo dục này. Từ đó giúp cho đội ngũ QLGD và giáo viên thấy rõ vai trò và trách nhiệm của mình để ngoài việc dạy chữ cho học sinh còn phải quan tâm, hết lòng giáo dục thế hệ trẻ nhằm phát triển toàn diện cả tài lẫn đức, hình thành nhân cách toàn diện của con người Việt Nam trong thời đại mới.

2. Khuyến nghị

2.1. Với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Cần phối hợp với các bộ, ngành Trung ương thông qua các dự án quốc gia và quốc tế để chỉ đạo triển khai chương trình GDMT và BVMT đến các địa phương trên toàn quốc.

- Cần xây dựng và ban hành chương trình, thời lượng GDMT ở bậc THPT phù hợp với mục tiêu GD của hoạt động này.

- Cần biên soạn, xuất bản sách và tài liệu tham khảo cho CBQL, GVCN và CMHS về nội dung, hình thức tổ chức hoạt động GDMT cho HS phù hợp với giai đoạn hiện nay.

2.2. Với Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Nam

- Cần nhanh chóng bổ sung thêm CBQL là phó hiệu trưởng cho các trường chưa đủ biên chế, số lượng tạo điều kiện để bố trí cán bộ phụ trách hoạt động NGLL, quan tâm hơn nữa hoạt động GDMT trong nhà trường.

- Cần phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường và các sở, ban ngành khác để tiến hành các hoạt động về BVMT và GDMT.

- Cần phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Nam để phát động các phong trào BVMT trong học sinh với quy mô rộng khắp và thường xuyên hơn.

- Tăng cường chỉ đạo và kiểm tra hoạt động dạy học tích hợp, lồng ghép GDMT trong các môn học và việc tổ chức hoạt động GDMT cho HS ở các trường phổ thông.

- Đầu tư CSVC và TBDH và cập nhật tài liệu, thông tin về môi trường để tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên giảng dạy và triển khai các hoạt động GDMT cho HS đạt hiệu quả.

2.3. Với các trường THPT

- Cần xây dựng kế hoạch riêng về GDMT cho HS và cụ thể chi tiết thành kế hoạch trong từng học kỳ, tháng và tuần.

- Thành lập Ban hoạt động GDMT trong nhà trường, có quy chế và kế hoạch hoạt động; tập hợp nhiều lực lượng giáo dục trong nhà trường và mời các lực lượng bên ngoài tham gia, phối hợp trong tổ chức và hoạt động.

- Tăng cường đầu tư kinh phí cho công tác GDMT và đa dạng hóa các hình thức tổ chức để thu hút học sinh tự nguyện tham gia.

2.4. Với cha mẹ học sinh

Thường xuyên liên hệ với nhà trường mà trực tiếp là GVCN để nắm bắt được tình hình học tập và rèn luyện của con em; chủ động phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục, đặc biệt là hoạt động GDMT cho HS.

2.5. Với chính quyền địa phương

- Tăng cường công tác tuyên truyền BVMT; áp dụng biện pháp, chế tài đối với các hành vi vi phạm về BVMT ở địa phương.

- Hỗ trợ các nhà trường về kinh phí, phương tiện, nhân sự, tạo điều kiện tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp để GDMT cho HS.